

CÁCH NÓI CỦA NGƯỜI MIỀN TÂY NAM BỘ QUA CA DAO

Trần Minh Thương

I - Người miền Tây Nam bộ với câu nói, tiếng cười

Theo *Cơ sở văn hoá Việt Nam* của Trần Quốc Vương (chủ biên), phần được coi là Tây Nam Bộ có diện tích khoảng 4.000 km², chủ yếu là vùng đồng bằng sông Cửu Long, một số đảo (lớn nhất là đảo Phú Quốc) cùng một vài dãy núi thấp ở phía Tây An Giang, Kiên Giang.

Hầu hết các nhà văn hoá học, dân tộc học, ... đều có chung nhận định tương đối thống nhất về tính cách người Nam Bộ. Họ là những người hào hiệp trong cuộc sống, bình đẳng trong giao tiếp, ít bảo thủ.

Xưa, Tây Nam bộ từ miền đất hoang vu rừng rậm, nhiều sông rạch, đầm lầy *muối kêu như sáo thổi, đĩa lội tợ bánh canh, dưới sông sấu rổng, trên rừng cọp um, ...* Người nông dân Tây Nam bộ lao động cần cù, dũng cảm. Thế hệ sau tiếp nối thế hệ trước cải tạo những vùng đất bát ngát nhưng phèn chua và ngập nước, sinh sống bằng nghề trồng lúa, đánh bắt cá tôm, ... Ở vùng đất giồng cao hơn thì trồng cây hái trái, trồng tía hoa màu, ... Để tồn tại và phát triển tất yếu các gia đình nông dân trong xóm ấp liên kết lại, lao động dần công cư mang đùm bọc trong cái nghĩa *bán anh em xa mua láng giềng gần*, giúp đỡ nhau từ *chén cơm manh áo*, đến *hột gạo của khoai*. Nói chuyện thì thích *ăn ngay nói thẳng*, ghét *ăn gian nói dóc, ...*

Nói chuyện phải rõ ràng, thẳng thắn:

*Nước chảy cho đá lăn tròn,
Giận thì nói vậy chớ bụng còn thương em*

Trong nghi lễ đính hôn, người ta gọi là *đám nói*. Ở đó hai bên sui gia “nói chuyện” tác thành cho đôi trẻ. Người con gái trong câu ca sau đây đã bộc lộ một suy nghĩ “táo bạo” ... hết chỗ nói!

*Ba nơi đi nói chẳng màng,
Chờ nơi chết vợ sẵn sàng nhảy vô*

Tiếng nói không dừng lại ở chức năng kể lể, truyền đạt mà đối với họ nói còn là nghệ thuật. Độc đáo hơn chính từ lớp khẩu ngữ mộc mạc ấy, đi vào lời ngậm, câu hò, điệu lý, ..., hình thành nên những vần ca dao - một thể loại trữ tình dân gian. Khám

phá từ đây, phần nào chúng ta nhận thấy được bản tính của người bình dân miền đất Cửu Long giang.

II - Những cách nói của người Tây Nam bộ thể hiện qua ca dao

2.1. Về mặt ngữ âm

Thứ nhất, khi khảo sát về mặt ngữ âm, chúng tôi nhận thấy ca dao Tây Nam Bộ có nhiều hiện tượng nói *trại*, tức là nói lệch đi cấu tạo của âm chính trong tiếng. Từ đó, tạo nên lớp từ biến âm đa dạng trong lời nói của đồng bào. Họ không nói *thuyền* mà thay bằng *thoàn*, *nhơn ngãi*, *nhơn ngỡi*, thay cho *nhân nghĩa*, *Châu Do* thay cho *Chu Du* (nhân vật trong *Tam Quốc diễn nghĩa*), *bệnh* thay bằng *bịnh*, *huê* thay cho *hoa*, *luy* thay cho *lệ*, ... Nguyên nhân thì có nhiều: vì kiêng húy, để kiêng dè, kính trọng, hoặc ... để đơn thuần chỉ hiệp vần cho thơ, ...

- *Phụ mẫu tình thâm,
Phụ thê **nhơn ngỡi** tương,
Một mai anh có xa em rồi, **thờ phượng** mẹ cha*

- *Lao xao sóng bủa dưới **thoàn**
Vẳng em một bữa ăn vàng không ngon*

- ***Luy** xang xang đưa nàng xuống vịnh,
Anh trở lộn về nhuộm **bịnh** tương tư.*

- *Hai **vùng nhựt nguyệt** rành rành
Sao anh dứt **đạn** (đoạn) chung tình bỏ em*

Thứ hai là cách nói *tránh*. Gặp chuyện không hay, tránh điều thô tục, người ta thường mượn từ ngữ khác để diễn đạt, ý vẫn giữ.

*Còn duyên kẻ đón người đưa
Hết duyên đi sớm về trưa một mình*

Duyên có nhiều nghĩa, nó vốn là một từ mà nhà Phật, Từ điển tiếng Việt giải thích là “cái nợ từ kiếp trước đeo đẳng lấy nhau”. *Duyên* có thể hiểu là sắc đẹp của người con gái mới lớn. Theo thời gian, *duyên* dần tàn phai. Còn ở trường hợp này, tác giả dân gian dùng “duyên” thay cho một từ khác, chỉ nơi nhạy cảm của người con gái, cứ xem cách so sánh của chàng trai ở ngay dưới đây, giữa còn *duyên* sẽ cưới nàng bằng *ba heo*, còn mất *duyên* chỉ phải tốn ... *con mèo cụt đuôi* thì giá trị của từ *duyên* mà người nói cố ý tránh, đã quá tường minh.

*Còn duyên anh cưới ba heo
Hết duyên anh cưới con mèo cụt đuôi*

Thứ ba, nói bằng tiếng địa phương. Theo quy luật tồn tại của ngôn ngữ, ở miền Tây Nam Bộ cũng có những “đặc sản” của riêng mình.

Ngó lên tổ nễ chầu mày,
Mảnh lo sự khó quên ngày muối dưa

Tổ nễ là tiếng lóng, cách tôn xưng chỉ ông bà, tổ tiên, xuất hiện khá phổ biến trong khẩu ngữ dân gian miền quê.

Phương ngữ trong câu ca sau, rất đáng chú ý:

*Chiều mai chiều một anh cốt cây bần
Chẳng cho ghe cá đậu gần ghe tôm*

Anh chàng nào đó không cho người khác đến gần người con gái anh ta đã để ý. Anh ta dùng tiếng “cốt” để nói. “Cốt” có nghĩa là đốn cây, chặt cây, từ này phổ biến trong dân gian miệt Rạch Giá – Cà Mau. Cây bần là loài thực vật mà người ta xem chỉ toàn ... giống đực! (Bởi rễ bần được gọi là ... cặc bần!). “Cốt” cây bần là lời cảnh báo dư sức nặng dành cho những ai ham trổ mối với “ghê” đã có chủ!

Người Tây Nam Bộ nói *hun*, tức dùng mũi để ... biểu lộ tình cảm không dùng *hôn*, không dùng môi, miệng để ... làm việc *hun*!

*Ước gì anh hoá con kiến vàng
Bò qua quay nón của nàng mà hun*

Dân gian nói *hiếm hiệm*, nghĩa của nó là đủ rồi, là *bộn bàng* rồi, hay chỉ sự dư dả của một thứ nào đó, ...

*Muốn cúc chơi chầu tam hường,
Liều huê hiếm hiệm dọc đường thiếu chi.*

Dùng phương ngữ để nói ẩn ý, ngầm so sánh giữa *chầu cúc tam hường* và *liều hoa (huê) dọc đường*. Từ *hiếm hiệm* đã làm tăng giá trị một chủ thể và cũng làm giảm đi giá trị một chủ thể, bởi nhiều, dư dả thì khó gọi ... quý hiếm được! Nói *hiếm hiệm* tức là ... không hiếm vậy!

Thứ tư, nói bằng cách mượn tiếng của người Tiều (Triều Châu), bộ phận người Hoa đã di cư và định cư ở đây từ rất lâu trước. Qua thực tế điền dã, chúng tôi dẫn lại mấy câu ca ở Bạc Liêu, thế này:

- *Chờ anh em hết sức chờ
Chờ cho ến xại (rau muống) lên bờ khui hui (khai huê, tức trở bông)*

- *Nào khi ến thạo, hoan tù (Khi nào thấy hơi gió lớn thổi)
Sùn hoang nghịch láo, xuốt gù thẳm em (Gió xuôi, nước ngược ra thẳm em)*

- *Trời mưa dít ạm hoang tù (Trời mưa, trời tối gió to)*

A hia phè chuỗi xuốt gù thẳm em (Anh chèo ghe ngược ra thẳm em)

(...)

2.2. Về mặt ngữ nghĩa

2.2.1. Nói toạc móng heo

Nói toạc móng heo là cách nói thẳng hết những sự thật, không cần giấu giếm, che đậy.

Đầu tiên là cách nói thẳng để tỏ tình:

*Gió đẩy đưa rau dứa quận quy,
Anh mặng thương nàng lịu địu xuống lên*

Những tiếng mang thành trắc tạo thành vần ở hai dòng thơ đã góp phần diễn tả một hiện thực của buổi đầu ngộ lời trao ý, đồng thời nó cũng tả đúng tình cảnh khắc khổ của người chân đất chân quê!

Không xao xuyên làm sao được, bởi hình bóng của người con gái có duyên:

*Tóc ngang lưng vừa chừng em bới
Để chi dài bối rối dạ anh*

Lẽ tất nhiên, khi con tim đã rộn ràng, người trong cuộc cần nhiều hơn nữa sự chân thật, và họ bày tỏ nỗi lòng:

*Bước cảng xuống tàu, tàu khua rồn rồn
Tàu qua Nhựt Bồn lấy nước Châu Thành
Anh với em phải nói cho rành
Để anh lên xuống nhọc nhằn thân anh*

Cần lưu ý, những dòng đầu, cách dùng phương ngữ *cảng* thay cho *chân*, hay từ tượng thanh *lồn rồn* như để diễn tả tâm trạng, họ chỉ mượn có để nói chứ không hẳn cần đúng sự thật, bởi sự thật thì làm gì có nước Châu Thành, mà nó cũng chẳng liên quan đến Nhựt Bồn! Mới hay, đó là cách tạo cơ để nói, cứ không thật nhưng lòng người thì thẳng băng như mực tàu!

Khi tương tư, họ nói mà như bày tỏ cả gan ruột với người mình yêu:

*Phụ mẫu đánh anh quặt quà quặt quại,
Đem anh treo tại nhánh bần.
Rủi đứt dây mà rút xuống,
Anh cũng lẩn mò kiếm em.*

Lời thề được thốt lên mãnh liệt:

*Chẳng thà lẩn xuống giếng cái chũm
Chết ngùm rồi đời
Sống chi đây chịu chữ mô côi
Loan xa phượng cách biết đứng ngồi với ai*

Hay như:

*Dao phay kẻ cổ, máu đổ không màng
Chết thì chịu chết, buông nàng anh không buông*

Song không phải vì những lời nói ngay thẳng thế mà mọi chuyện tốt đẹp vẹn toàn, người trong cuộc đã cảnh giác:

*Biển Đông gió thổi bốn mùa,
Say mê lời nói thuốc bùa không hay*

*Miệng đàn ông nói như tha mỡ, trơn lu, giời bỏ bùa
các cô nhẹ dạ, vì thế, người bình dân mới gửi gắm
lời khuyên ấy!*

Lúc tan vỡ, cô gái đã nhận ra tất cả phũ phàng nên quyết liệt tránh xa:

*Bần gie, bần liệt, diệc đau chờ mồi
Anh với em duyên nợ hết rồi
Đi tìm chỗ khác đừng ngồi kể em*

Phía nam nhi chi tử cũng nhạy cảm chuyện trác trở:

*Võ vai con Bẫy không ừ,
Hay là con Bẫy giận, con Bẫy từ ngãi anh*

Gọi người yêu bằng *con* thì chân tình lắm, hành động cũng thật táo bạo, nhưng rồi anh ta chỉ nhận được sự im lặng thay cho cách trả lời từ đối tượng. Cuối cùng, có lẽ ngấm ngấm lại anh ta đã nhận ra sự thật!

Có trường hợp nguy hiểm hơn, ai đó, vì lý do tế nhị đã quần quanh, cố giấu che một sự thật, đến khi sự thật kia bị ... phát hiện:

*Bậu nói với qua bậu không lang chạ,
Qua bắt đặng bậu rồi, đành dạ bậu chưa*

Nói huýt tặc để người trong cuộc không thể “đổ thừa” nữa, dù cách “đổ thừa” cho “tại” cho “bị” vốn là câu nói cửa miệng của những người ... trót lờ lảm!

*Em đi lên xuống cầu dừa
Lấy ai có chữa đổ thừa cho anh*

Có chữa hoang, là người hư đốn, là một chuyện động trời, có lẽ vì sự chấn động kinh khủng ấy, nên mới có chuyện “đổ thừa” nhằm tránh tội chẳng?

Cũng là cách nói thẳng, ta gặp câu ca dao để khác:

*Nước ròng trong ngọn chảy ra
Thấy em chồng chết anh bốn ba qua liền*

Bôn ba là tính từ chỉ sự *vội vã, vội vàng* trong hành động. Qua lời nói trực tiếp ấy dường như người trong cuộc đã hiểu được nỗi lòng của người nói. Chồng em chết anh vội qua ngay để ... giúp đỡ! Tất nhiên là trong cảnh goá bụa, chiếc bóng một mình, có nhiều chuyện cần phải có bàn tay người đàn ông lắm! Nói thật, nói thẳng nhưng không phải là không có ẩn ý trong kiểu nói như vậy! Cảnh giác

quá mức sẽ phụ lòng của người hàng xóm tốt bụng, còn nếu “ngây thơ” thì biết đâu ... chấp được mối tơ thừa! Nên chăng?

2.2.2. Nói vòng vo, nói bóng nói gió

Ở trên, chúng tôi đề cập đến cách nói tránh. Đến đây, chúng tôi phân tích chi tiết hơn cách nói bóng gió, *vòng vo Tam Quốc* của người bình dân.

Khi gặp tình huống không nói thật được, đành phải nói xa xăm để đặt vấn đề:

*Trời xanh bông trắng nhụy huỳnh
Đội ơn bà ngoại đẻ má, má đẻ mình để thương*

Muốn khen một cô gái đẹp mà mình vừa ý, muốn tỏ tình thương, nói bằng lời thật khó, không khéo dễ bị vô duyên, chối từ, như thế, mọi việc hồng hét. Vì thế, chàng trai đã dày công *bắt cầu* trong cách nói. Vừa nhớ ơn bà, vừa khen má và tất nhiên là khen cả đối tượng anh ta muốn nói đến.

Hơn nữa, với cách nói lấp lửng, vô tình anh ta đã gọi được tiếng *ngoại*, tiếng *má* của cô gái như chính cô gái hay kêu. Thông thường, cách kêu như vậy, chỉ xảy ra khi hai người đã nên vợ nên chồng. Thật là đáng khâm phục trong cách nói vòng vo!

Để nói bóng gió, người ta còn sử dụng cách nói bằng thành ngữ, điển tích

Thành ngữ: cụm từ cố định, bền vững, có tính nguyên khối về ngữ nghĩa không nhằm diễn trọn một ý, một nhận xét như tục ngữ, mà nhằm thể hiện một quan niệm dưới một hình thức sinh động, hàm súc. [2; 297]

Trong ca dao Tây Nam Bộ không ít câu sử dụng thành ngữ. Do phạm vi bài viết là khảo sát cách nói, chúng tôi chỉ xem thành ngữ nhất là thành ngữ Hán Việt như một phương tiện của lời nói chứ không đi sâu phân tích chức năng của chúng.

Đây là một cách dùng thành ngữ Hán Việt trong điệu hò:

*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo.
Cao phi viễn tẩu dã nan tàng
Từ khi anh xa cách con bạn vàng
Cơm ăn chẳng được như con chim phụng hoàng bị tên.*

Dễ hiểu hơn, nói bằng thành ngữ Hán Việt và sau đó dùng lời thơ để giải thích nghĩa cho người nghe biết luôn:

*Thiên sinh nhơn hà nhơn vô lộc,
Địa sinh thảo hà thảo vô căn.
Trời sinh người đều có lộc trời,
Đất thì sinh cỏ rễ chồi nào không.*

Đi liền với thành ngữ là những điển tích. Điển tích (hay điển cố) là một biện pháp tu từ, ở đó tác giả sử dụng “câu chuyện” sao cho phù hợp với văn mạch mình nhằm tạo tính hàm súc cho lời văn, ý thơ. Ca dao Tây Nam Bộ cũng vậy, không hiếm những câu chuyện trong sách sử được dùng để nói:

*Ai khôn bằng Tiết Đình San,
Cũng còn mắc ké nàng Phàn Lê Huê.*

Tiết Đình San, Phàn Lê Huê là nhân vật trong bộ tiểu thuyết chương hồi *Tiết Đình San chinh Tây*.

Hay câu ca khác:

*Văng vẳng bên tai
Tiếng ai như tiếng con Điêu Thuyền?
Anh đây Lữ Bố kết duyên thuở xưa*

Lữ Bố, Điêu Thuyền là hai nhân vật trong *Tam Quốc chí diễn nghĩa*. Các tác phẩm vừa kể được dân gian gọi chung là *truyện Tàu*, thể loại văn học ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống người bình dân Tây Nam Bộ từ nửa đầu thế kỷ XX trở về trước.

Mượn thành ngữ, điển tích để chen vào lời nói, làm cho ý của người diễn đạt thêm sinh động, hàm súc, người tiếp nhận phải có cùng “kênh” giao tiếp thì mới tường tận vấn đề mà người nói muốn biểu đạt!

Phương tiện hỗ trợ đắc lực cho cách nói bóng gió là các biện pháp tu từ.

Một là, dùng từ đa nghĩa để chơi chữ

*Em ơi hãy lấy anh thợ bào
Khom lưng ảnh đẩy cái nào cũng êm*

Rất dễ dàng nhận ra chuyện thợ bào *đẩy* bào để bào cây, bào ván cho bóng, cho trơn, đến chuyện *đẩy* theo cách nói trây, dân gian gọi nên hành động của vợ chồng chốn phòng the!

Tương tự từ *đẩy* vừa phân tích, là từ *cày* sau đây:

*Chồng em nào phải trâu cày
Mà cho chị mượn cả này lẫn đêm*

Cách nói táo bạo hơn, nhưng người nghe không thể bắt lỗi được họ:

*Cu tui vừa mới mọc lông
Mượn chị cái lông tui nhốt đờ cu tui*

Cu là con chim gáy, lông là vật để nhốt chim. Nhưng thật tình không người nghe nào chỉ dừng cách hiểu của mình ở đó cả, ...

Chúng ta hãy nghe lời một cô gái dặn người mình yêu khi chàng và nàng muốn “gần” nhau:

*Chuột kêu chít chít trong rương
Anh đi cho khéo kéo đừng giương mẹ hay*

Ngày xưa cái giương của người nhà quê là loại giương chông đóng bằng tre già, lâu ngày thành xiêu lỏng, đựng vào đó nó kêu cọt két, giống như tiếng chuột kêu chít chít. Có lẽ bà mẹ của cô gái kia đã hơn một lần chột thức giấc, nghe tiếng chiếc giương tre kêu rúc rích, cô gái đã nhanh trí trả lời rằng đây là do *chuột ở trong rương* (!). Rút kinh nghiệm, cô gái đã nhắc khéo cho tình nhân khéo lờ làng chuyện ân ái.

Hai là, người bình dân dùng hình thức so sánh, phúng dụ, ẩn dụ, hoán dụ, ..., trong lời ca, tiếng hát.

Từ hình ảnh so sánh:

*Thân em như cá rô mè
Lao xao giữa chợ biết về tay ai*

Cá rô mè quá đỗi quen thuộc với vùng sông nước, ruộng đồng. Mượn nó, để ví với ... thân em thì thật là dí dỏm! Tình cảnh của người con gái ngày xưa không khác gì thân cá rô nằm trong *rổ nháy rỏ rỏ, lao xao giữa chợ*. Tinh ý hơn, người nghe còn phát hiện *cá rô mè* là để liên tưởng đến chỗ kín đáo nhất của người con gái, ... thật là một cách nói khéo không ai bằng được người bình dân!

Đến cách nói phúng dụ, mượn lời con vật để thay lời người muốn nói:

*Cóc chết nàng nhái rầu rầu
Chàng hiu đi hỏi lắc đầu hồng ửng
Con ếch ngồi ở gốc đưng
Nó kêu cái ọ biểu ửng cho rồi*

Nói vòng vo nhưng là thiệt bụng, thiệt lòng làm sao!

Rồi nói bằng ẩn dụ:

*Ruộng ai thì nấy đắp bờ
Duyên ai nấy gặp đợi chờ ửng công*

Câu ca tả thực cảnh của người nông dân chân lấm tay bùn. Song, ý người muốn nói chưa dừng hẳn ở đó. *Ruộng* và *bờ* liên quan nhau như vật sở hữu và người sở hữu. Vậy tình yêu, có cần phải cắm ranh, cặm cọc hay không? Có lẽ trả lời rằng “cần” phải có “bờ” có “đập” để xác lập chủ quyền, xem ra không có gì là quá đáng!

Hoặc dùng hoán dụ:

*Nước chảy re re con cá he nó xoè đuôi phụng
Em có chồng rồi trong bụng anh vẫn còn thương*

Mượn từ *bụng* để nói cả tâm tình lưu luyến của cố nhân! Lấy bộ phận để nói khái quát cho cái toàn thể là vậy.

2.2.3. Nói khó

Trong giao tiếp, hay sinh hoạt người ta thường nhắc *lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*. Thực tế thì không phải không có những lời nói khó nghe. Mượn những câu hỏi để bộc bạch:

*Gần sông cội mới ngã kẻ,
Tiếng tâm anh chịu, em về tay ai?*

Hỏi mà không có lời đáp và chắc cũng chẳng cần ai trả lời, bởi đó là cách nói khó. Vấn đề là người nghe, cụ thể hơn là đối tượng hướng đến của giao tiếp có hiểu hay không mà thôi!

*Có chồng bậu nói rằng không,
Con đâu bậu ẵm bậu bồng trên tay?*

Không biết sự thể của người trong cuộc thế nào, có chịu nổi *oan Thị Kính* hay không?

Nhẹ nhàng hơn, nói một cách đón giáng chặn đầu rằng:

*Đá cheo leo muốn trèo sợ trượt,
Muốn nói một hai lời sợ nhột ý em?*

Chia sẻ hay mĩa mai, chọc ghẹo, ..., tính chất đa nghĩa ấy bộc lộ qua lời hỏi khó, dành cho người kém may mắn trong chuyện lứa đôi:

*Cau già lữ lúa bán trăm,
Chị nọ lữ lúa biết nằm cùng ai?*

Có thể tìm ra nguyên nhân của những lời hỏi khó như vậy là vì cuộc sống vốn không thiếu người có tính này, ý khác:

*Bậu đừng ăn nói đảo điên,
Cái áo bậu bận cũng tiền anh cho?*

Nhiều lúc, những câu hỏi trong lời nói khó đã nâng lên thành triết lý trong quan hệ giữa người với người trong xã hội:

*- Nước không chun sao gọi rằng nước đứng,
Chén của người sao gọi chén chung?*

*- Ai từng bận áo không bầu,
An cơm không đũa, ăn trầu không vôi?*

*- Chim bay mỗi cánh chim nơi,
Đố ai bắt đặng chim trời mới ngoan.*

2.2.4. Nói cho hả dạ, nói cho đã tức

Từ nói khó chuyển sang nói cho hả, nói để trút cơn tức giận.

Miệng đuổi chim, tay cầm cần vọt

Mãn mùa rồi xí hụi anh ơi

Thế là công lao bao nhiêu tháng ngày vun quén giờ bị đem bỏ sông bỏ biển. Ai mà không buồn, không đau, không tức trào máu, nhưng biết ai chia sẻ, thì cứ nói lên, hét lên cho hả hê!

Họ nói như mĩa mai, cười cho sự chua chát của thân phận mình:

*Anh tưởng giếng sâu anh nói sợi dây cắt
Ai dè giếng cạn nó hụi sợi dây
Qua tới đây không cưới được cô hai mày
Qua chèo ghe ra biển đợi nước đầy qua chèo trở vôi*

Bằng cách nói ngược: *giếng sâu – dây cắt*, rồi *giếng cạn – hụi sợi dây*, dường như để ám chỉ sự đổi trắng thay đen của thói đời, đã vậy, đại gì chết đi cho uổng!

Tiếng nói của sự khao khát yêu đương, tiếng nói cũng những chuyện oái oăm được dân gian thể hiện:

*- Con gái mười bảy mười ba
Đêm nằm với mẹ, khóc la đòi chồng
Mẹ giận mẹ phát ngang hông:
- Đố con mất nét đòi chồng suốt đêm!*

Có lúc nói cho hả lòng, nói cho mọi người biết, vì chỉ cần lơ là một chút, người chủ quan đã bị bạn bè, lối xóm ra tay hãm hại:

*Mãng coi con quạ rĩa lông,
Chị em lân cận giật chồng không hay*

Hướng đến đối tượng tiếp nhận chính là người mình yêu ngày trước. Nay anh đã không vẹn chung tình, anh bỏ em đi cưới vợ khác, anh hãy nghe đây:

*Bàn gie bản liệt đóm đậu ngọn bản
Anh đi cưới vợ em vái cho sóng thần nhận ghe*

Đúng, rất chính xác, chỉ có những *cô em gái quê rang quế rít, tóc dài bỏ xoã, bận áo bà ba* (lời một bài dân ca ở Sóc Trăng) mới có trực tính để bật thành tiếng nói như vậy!

Với cảnh ngộ khác, một anh chàng thật tội nghiệp, trút giận:

*Bờ bụi tối tăm, anh quơ nhằm cái tộ bé
Cưới vợ có chữa về thổi lửa queo râu*

Thật trớ trêu, ai nghe mà chẳng cảm thông cho chuyện nhằm lẫn tai hại đó.

Với kết cấu đối đáp, ta gặp một lời chọc ghẹo của chàng trai lắm môi mép:

Trời mưa cho ướt ruộng gò

Thấy em chẵn bò anh để ý thương

Cô gái chẳng vừa, tát lại ngay:

Trời mưa ướp cọng rau mương

Bò em, em giữ anh thương cái giống gì?

Độc hơn ở cách nói nước đôi, cụm từ *anh thương cái giống gì* vừa chỉ giống ... người (là em) vừa chỉ giống ... ăn cỏ! Vậy mới chết chó!

Cọc tính hơn, cô gái lớn tiếng rủa kẻ ve vãn mình:

Dê xồm ăn lá khô qua

Ăn nhằm lá đậu chết cha dê xồm

Đảo lại, cũng trong lời đối đáp, nhưng lần này “phản thắng” nghiêng về phía chàng trai:

- *Áo vắt vai đi đâu hăm hở,
Em có chồng rồi mắc cỡ lêu lêu.*

- *Áo vắt vai anh đi dạo ruộng,
Anh có vợ rồi chẳng chuộng bậu đâu.*

Tiếng nói uất nghẹn còn hướng đến những đối tượng đã gây ra nhiều chuyện phiền toái:

Quát ông tơ cái trót

Ông nhảy tót lên ngọn cây bần

Biểu ông se mối chỉ năm bảy lần, ông không se

2.2.5. Nói cà rớn

Cà rớn là lời nói với chức năng đùa vui, không thể hiện sự giọng cao thấp, cạnh khoé. Chàng trai thấy cô gái dễ thương, bèn bông lông rằng:

Nước Láng Linh chảy ra Vàm Cú

Thấy em chèo cặp vú muốn hun

Quả là lời tỏ tình trắng trợn, muốn chuyện ... rất nhạy cảm mà dám cất thành lời, nhưng xét cho cùng đối tượng cần nghe hình như không nghe thấy, người dưới sông, người trên bờ, khoảng cách quá xa ... Có lẽ, khi gần nhau chẳng ai dám nói kiểu ... đó! Nhưng cũng chẳng sao, nếu bị phản ứng, anh ta sẽ dễ dàng ứng phó, theo kiểu “tán gái”:

Bơi tóc cánh tiên, bỏ vòng lá liễu

Thấy miệng em cười trời biểu anh thương

Nhiều khi, tỏ tình không được thì làm liều kiểu Chí Phèo yêu Thị Nở (nhân vật của Nam Cao), nói chơi cho vui, ai nghe được thì cứ xem là câu nói giễu, để cười, song không phải vì thế mà không có ẩn tình:

Tui hun mình, dẫu mình có la làng

Thì tui la xóm hai hàng la chung

Tui hun mình dẫu có làm hung

Nhơn cùng tặc biển tui chun xuồng sà

Ở cảnh ngộ khác, có lẽ chàng trai đã “để ý” đến người mình thương nhiều lắm, nhưng anh ta không dám mở lời. Anh chàng mượn *con cua* để nói khơi khơi:

Con cua càng bò ngang đám bí

Nó với chị mày giờ tí qua qua

Chức năng bông đùa của câu ca này theo chúng tôi nằm ở mốc thời gian hẹn ước. Giờ tý là canh ba, mọi người đã yên giấc ngủ, anh ta lại “qua” để gặp chị mày thì chắc là sẽ ... có chuyện!

Trong kết cấu đối đáp cũng có những câu lém lỉnh, cà rớn:

- *Ai mà bày đặt dị kỳ*

Áo bà ba may hai túi đựng giống gì hở anh

- *Ba má bày đặt cho anh*

Áo bà ba may hai túi đựng dầu chanh o mè

Một trường hợp hỏi – đáp khác:

Nước mắm ngon dằm con cá bẹ

Anh biểu em rình lén mẹ qua đây!

Nói như đùa chơi kiểu đó, người Tây Nam bộ gọi là nói giỡn. Chàng nói kiểu giỡn chơi thì nàng cũng đáp kiểu giỡn chơi.

Nước mắm ngon dằm con cá đối

Em biểu anh chờ để tới em qua

Chưa biết sự thể sẽ ra sao, chỉ có điều nói là để ... chơi, vậy thôi!

Khi nói cà rớn, yếu tố tục, những từ ngữ gợi đến những bộ phận trên cơ thể của con người được tận dụng triệt để. Phần trên chúng tôi đã dẫn câu ca mà chàng trai ... muốn hun! Đến đây, thấy cần bổ sung mấy ví dụ nữa để bài viết thêm sinh động:

Thân anh lở đại hai lần

Nhỏ mần vú mẹ, lớn mần vú em

Cách nói tếu táo của chủ thể phát ngôn khi anh ta nhận mình là *đại* nhưng thật ra thì là *khôn* đấy, một cách nói ngược đáng nghe!

Tiểu lâm hơn là lời của “ông” anh rẻ:

Giữa trưa đói bụng thèm cơm

Thấy đui em vợ như tôm kho tàu

Đem “đui” của cô em vợ nồn nà so sánh với “tôm kho tàu” giữa khi bụng đói ... thì thật là chỉ có anh ta dám nói những điều mà nhiều người nghĩ, nhiều kẻ muốn, nhưng không ai dám ... giỡn kiểu đó!

Sau hết, xin dẫn một câu ca có miêu tả trực tiếp yếu tố sinh thực khí của nữ giới:

*Cô kia cấy lúa Nanh Chồn
Chồng mông cô để cái l... cô lên*

III - Chức năng của cách nói trong ca dao

Những biểu hiện của cách nói trong ca dao mà chúng tôi vừa liệt kê đã góp phần quan trọng để các nhà thi pháp học khẳng định ca dao là câu thơ điệu nói, nó mang ngữ điệu người, giọng điệu người, thể hiện đa dạng các cung bậc, cảm xúc trong tâm hồn con người.

Chính từ những cách nói bằng ngữ điệu ấy đã đem đến cho ca dao hơi thở rất riêng, dù đặc trưng thể loại đã làm cho tính cá nhân bị xoá nhoà.

*- Bên dưới có sông, bên trên có chợ
Hai đứa mình kết vợ chồng nghen*

*- Thấp đặng cá nhảy qua lờ
Anh đừng xí gạt em chờ uống công*

*- Tưởng rằng anh tới anh chơi
Ai dè anh tới kết đôi vợ chồng*

Những từ vốn dĩ quen thuộc trong lời nói hàng ngày như “nghen”, “xí gạt”, “ai dè”, ... đã làm cho lời ca lung linh như chính họ nghĩ, họ làm, họ nói, ...

Ai đó từng “chê” cụ Đồ Chiểu sao để cho Vân Tiên “ừ” trước mặt nàng Nguyệt Nga xinh đẹp trong truyện thơ Lục Vân Tiên (*Vân Tiên nói lại rằng: ừ*), thì hãy nghe đây, cách nói, cách tỏ bày tình cảm trong dân gian miệt này:

*Ngó lên chữ ừ, ngó xuống chữ ừ,
Anh thương em hồng thắm em ừ,
Anh đừng thương vợ mầu từ em hay*

Còn đây là lời của một cô vợ trong cảnh gia đình chồng một vợ hai:

*Vợ lớn đánh vợ nhỏ,
Chạy ra cửa ngõ,
Ngóng cổ kêu trời!
Ớ anh ơi?
Nhứt phu lưỡng phụ, ở đời đặng đâu?*

Cuối cùng, chúng tôi mượn câu ca mùi mẫn bậc nhất chốn ruộng đồng dưới đây để thay lời tiểu kết:

*Con cá làm nên con mấm
Vợ chồng già thương lắm mình ơi!*

IV - Kết luận

Người Tây Nam Bộ bộc trực, thẳng thắn, nhưng cũng rất tinh tế, khéo léo trong ứng xử. Họ sẵn sàng đùa cợt, cười rần để xua tan đi những nỗi

nhọc nhằn trong quá trình chinh phục thiên nhiên hoang dại. Và lời nói là nơi thổ lộ rõ ràng nhất.

Lời nói là phương tiện không thể thiếu trong giao tiếp. Trong giao tiếp lại bộc lộ văn hoá ứng xử của người bình dân. Hơn thế, lời nói đã đi vào lời ca, tiếng hát, nó góp phần làm lung linh thêm những “hạt ngọc” tinh thần của người dân quê chơn chất.

Từ lời nói dân gian, chúng ta còn phải học tập nhiều lắm ở họ:

*Chim khôn kêu tiếng rảnh rang
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lê Văn Đức**, *Việt Nam tự điển*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1970.

2. **Lê Giang** (sưu tầm – sưu tập – biên soạn), *Bộ hành với ca dao*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 2004.

3. **Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi** (đồng chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.

4. **Nguyễn Lực – Lương Văn Đăng**, *Thành ngữ Tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976.

Và những câu ca dao sưu tầm từ điền dã dân gian của tác giả bài viết.

Trần Minh Thương
Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam
Trường THPT Mai Thanh Thê, Ngã Năm
Huyện Ngã Năm, Sóc Trăng - ĐT: 0988092618
Email: tranminhthuong.c3mtt@soctrang.edu.vn